

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công khai tình hình phê duyệt quyết toán  
dự án đầu tư công trình hoàn thành năm 2018

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch huyện,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công khai số liệu phê duyệt quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành năm 2018, cụ thể như sau:

1. Tổng số dự án, công trình được phê duyệt quyết toán: 57.
2. Tổng giá trị dự toán được duyệt: 500.981.517.909 đồng;
3. Tổng giá trị Chủ đầu tư đề nghị: 487.412.137.684 đồng;
4. Tổng giá trị phê duyệt quyết toán: 487.255.929.684 đồng.

(Chi tiết từng dự án, công trình theo Phụ lục đính kèm Quyết định này)

**Điều 2.** Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì tổ chức triển khai thực hiện việc công khai số liệu phê duyệt quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành năm 2018 theo quy định hiện hành của Nhà nước.

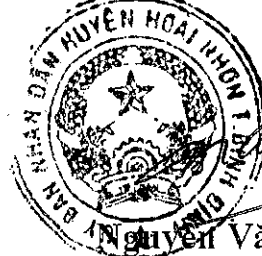
**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này kể từ ngày ký. *JK*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT *WT*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

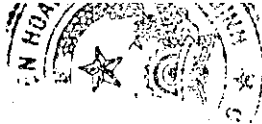


*Nguyễn Văn Đẹp*  
**Nguyễn Văn Đẹp**

**PHỤ LỤC**  
**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀNH THÀNH NĂM 2018**  
*(Kèm theo Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 25/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện Hoài Nhon)*

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Chủ đầu tư đề nghị	Giá trị quyết toán	Chênh lệch
	<b>Tổng cộng (A+B)</b>	<b>500.981.517.909</b>	<b>487.412.137.684</b>	<b>487.255.929.684</b>	<b>156.208.000</b>
A	Vốn thiết kế quy hoạch	0	0	0	0
B	Vốn thực hiện dự án	500.981.517.909	487.412.137.684	487.255.929.684	156.208.000
B.1	Dự án nhóm B	0	0	0	0
B.2	Dự án nhóm C	500.981.517.909	487.412.137.684	487.255.929.684	156.208.000
<b>I</b>	<b>BQL Dự án đầu tư xây dựng</b>	<b>7.269.500.000</b>	<b>6.339.753.000</b>	<b>6.337.793.000</b>	<b>1.960.000</b>
1	Trường Tiểu học số 3 Hoài Đức. Hạng mục: Nhà vệ sinh giáo viên	140.947.000	136.290.000	135.974.000	316.000
2	Trường Mẫu giáo Hoài Thanh Tây. Hạng mục: Xây dựng tường rào, công nghệ các điểm trường	506.149.000	463.872.000	462.742.000	1.130.000
3	Đường bê tông xi măng vào Trường THPT chuyên Chu Văn An, thị trấn Bồng Sơn	635.415.000	596.428.000	596.427.000	1.000
4	Trường THCS Hoài Hải. Hạng mục: Nhà vệ sinh giáo viên.	140.168.000	135.025.000	134.709.000	316.000
5	Trường Tiểu học Hoài Hải. Hạng mục: Xây dựng tường rào, công nghệ	387.641.000	347.820.000	347.820.000	0
6	Hoa viên trước bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	556.360.000	408.495.000	408.498.000	-3.000
7	Cộng đồng phòng tránh thiên tai - Trạm y tế xã Hoài Xuân. Hạng mục: Xây dựng tường rào, công nghệ	526.356.000	441.644.000	441.644.000	0
8	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Lê Lợi nói dài và các khu dân cư dọc tuyến, thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhon	609.598.000	341.483.000	341.483.000	0
9	Trường Tiểu học số 1 Tam Quan Bắc. Hạng mục: Nhà hiệu bộ	2.464.664.000	2.192.656.000	2.192.656.000	0
10	Mua mới, thay thế đồ thờ bằng đồng Đền thờ liệt sỹ huyện Hoài Nhon	478.532.000	478.532.000	478.532.000	0



PA

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Chủ đầu tư đề nghị	Giá trị quyết toán	Chênh lệch
11	Cung cấp chuông, trống phục vụ cử hành lễ tại Đền thờ Liệt sỹ huyện Hoài Nhơn	550.000.000	550.000.000	550.000.000	0
12	San lấp đất và rải cát khu Quảng trường huyện Hoài Nhơn	273.670.000	247.508.000	247.308.000	200.000
<b>II</b>	<b>Phòng Giáo dục và Đào tạo</b>	<b>16.016.471.000</b>	<b>15.337.240.000</b>	<b>15.292.570.000</b>	<b>44.670.000</b>
1	Trường TH số 1 Hoài Mỹ - Hạng mục: Sửa chữa và cải tạo 02 phòng học và 01 phòng nghỉ GV điểm trường Phú Xuân	664.011.000	632.619.000	631.081.000	1.538.000
2	Trường TH Hoài Xuân - Hạng mục: Sửa chữa và cải tạo 05 phòng học điểm trường Vĩnh Phụng	815.838.000	760.824.000	758.931.000	1.893.000
3	Trường TH số 1 Hoài Thanh - Hạng mục: Sửa chữa và cải tạo 06 phòng học và 01 phòng nghỉ GV điểm trường An Định	1.212.886.000	1.140.877.000	1.138.057.000	2.820.000
4	Trường TH số 2 Hoài Thanh - Hạng mục: Sửa chữa và cải tạo 05 phòng học điểm trường Chòm Bắc	498.190.000	480.062.000	478.912.000	1.150.000
5	Trường TH số 1 Hoài Thanh Tây - Hạng mục: Sửa chữa và cải tạo 05 phòng học điểm trường Ngọc Sơn Bắc	580.906.000	555.500.000	554.156.000	1.344.000
6	Trường TH số 2 Hoài Sơn - Hạng mục: Sửa chữa và cải tạo nhà làm việc, văn phòng	889.093.000	822.650.000	820.586.000	2.064.000
7	Trường Mầm non Tam Quan Bắc - Hạng mục: Sửa chữa mở rộng 04 phòng học	2.854.112.000	2.742.092.000	2.733.323.000	8.769.000
8	Trường Mẫu giáo Hoài Châu Bắc - Hạng mục: Cải tạo phòng học, khu vệ sinh, hà kho và mở rộng 01 phòng học	1.044.311.000	966.438.000	963.526.000	2.912.000
9	Trường Mầm non số 1 TQ - Hạng mục: Sửa chữa và cải tạo mở rộng 04 phòng học	3.005.330.000	2.811.411.000	2.801.588.000	9.823.000
10	Trường THCS Hoài Châu - Hạng mục: Sửa chữa 05 phòng học bộ môn	4.451.794.000	4.424.767.000	4.412.410.000	12.357.000
<b>III</b>	<b>Phòng Quản lý đô thị</b>	<b>6.790.488.000</b>	<b>6.413.284.000</b>	<b>6.408.029.000</b>	<b>5.255.000</b>
1	Sửa chữa nhỏ các tuyến đường trên địa bàn huyện	59.990.000	59.977.000	59.977.000	0

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Chủ đầu tư đề nghị	Giá trị quyết toán	Chênh lệch
2	Duy tu, sửa chữa tuyến đường Tài Lương - Ca Công, tuyến Bình Chương - Hoài Hải, tuyến Ngọc an - Lương Thọ, tuyến Bồng Sơn - Hoài Hương	554.345.000	554.345.000	554.345.000	0
3	Duy tu, sửa chữa tuyến đường từ ngã ba Cầu mới đến cửa biển Tam Quan, xã Tam Quan Bắc	493.046.000	491.689.000	491.689.000	0
4	Hoa viên nút giao thông Cầu Dơi	971.455.000	898.270.000	897.025.000	1.245.000
5	Hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường nội thị trấn Bồng Sơn	1.175.809.000	1.099.175.000	1.098.217.000	958.000
6	Hệ thống điện chiếu sáng từ cầu Bồng Sơn cũ đến ngã ba Cầu Dơi	1.183.219.000	1.106.102.000	1.105.138.000	964.000
7	Xây dựng hệ thống đèn hoa trang trí thị trấn Bồng Sơn	1.162.347.000	1.088.781.000	1.087.750.000	1.031.000
8	Xây dựng hệ thống đèn hoa trang trí thị trấn Tam Quan	1.190.277.000	1.114.945.000	1.113.888.000	1.057.000
<b>IV</b>	<b>Phòng Tài nguyên và Môi trường</b>	<b>422.342.000</b>	<b>380.968.000</b>	<b>380.968.000</b>	<b>0</b>
I	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2018	422.342.000	380.968.000	380.968.000	0
<b>V</b>	<b>Trung tâm VH-TT và Thể thao</b>	<b>187.234.000</b>	<b>157.610.000</b>	<b>155.846.000</b>	<b>1.764.000</b>
I	Xây dựng các trụ có đỉnh để treo khẩu hiệu tuyến truyền trên địa bàn huyện	187.234.000	157.610.000	155.846.000	1.764.000
<b>VI</b>	<b>Trung tâm Phát triển quỹ đất</b>	<b>456.891.062.909</b>	<b>446.367.098.684</b>	<b>446.266.839.684</b>	<b>100.259.000</b>
I	Xây dựng KDC xã Hoài Sơn (HM: Di dời đường dây điện 22KV tại cột C88/30 đến cột C88/31 nhánh rẽ Hoài Sơn)	279.255.000	256.251.000	256.251.000	0
2	Dự án ĐTXD công trình Mở rộng QL1 đoạn Km1125÷Km1153 tỉnh Bình Định đầu tư theo hình thức BOT - Tiêu dự án GPMB xây dựng cầu Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn	2.774.614.000	2.754.514.000	2.754.514.000	0
3	Dự án ĐTXD công trình Mở rộng QL1 đoạn Km1125÷Km1153 tỉnh Bình Định đầu tư theo hình thức BOT (HM: KP bồi thường, hỗ trợ và TĐC do GPMB)	451.325.433.909	440.951.672.684	440.951.672.684	0
4	Xây dựng KDC xã Hoài Châu (HM; KP bồi thường, hỗ trợ và TĐC do GPMB)	1.603.906.000	1.524.179.000	1.524.179.000	0

*[Signature]*

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Chi đầu tư đề nghị	Giá trị quyết toán	Chênh lệch
5	Khu TĐC phục vụ công tác GPMB Mở rộng Cụm công nghiệp Hoài Tân (HM; KP bồi thường, hỗ trợ và TĐC do GPMB)	190.344.000	189.972.000	89.713.000	100.259.000
6	Xây dựng khu dân cư xã Hoài Tân (HM: Di dời tuyến điện 0,4kv)	50.941.000	47.247.000	47.247.000	0
7	Xây dựng khu dân cư xã Tam Quan Bắc	254.125.000	231.084.000	231.084.000	0
8	Trạm dừng nghỉ Bồng Sơn (HM: KP bồi thường, hỗ trợ và TĐC do GPMB thực hiện dự án ĐTXD công trình)	276.696.000	276.696.000	276.696.000	0
9	Mô đá làm vật liệu XD thông thường tại xã Hoài Châu Bắc (HM: KP bồi thường, hỗ trợ và TĐC do GPMB đề XD công trình)	135.748.000	135.483.000	135.483.000	0
<b>VII</b>	<b>Ban Quản lý Cụm công nghiệp</b>	<b>3.690.095.000</b>	<b>3.508.533.000</b>	<b>3.508.244.000</b>	<b>289.000</b>
1	Lập quy hoạch chi tiết XD tỷ lệ 1/500 và đưa mốc giới quy hoạch Cụm công nghiệp Hoài Tân ra thực địa	819.261.000	796.776.000	796.776.000	0
2	Rà phá bom mìn, vật nổ Cụm công nghiệp Hoài Hương	538.225.000	482.408.000	482.408.000	0
3	Đường vào Cụm Công nghiệp Hoài Tân kết hợp với đường dân sinh (đoạn từ quốc lộ 1A đến tường rào lô A1 Cụm Công nghiệp Hoài Tân)	2.090.571.000	1.999.663.000	1.999.623.000	40.000
4	Nạo vét hệ thống thoát nước mưa Khu chế biến thủy sản Thiên Chánh 1 - Tam Quan Bắc	52.504.000	49.995.000	49.746.000	249.000
5	Nạo vét hệ thống thoát nước mưa Cụm CN Bồng Sơn (gd 1)	189.534.000	179.691.000	179.691.000	0
<b>VIII</b>	<b>UBND xã Tam Quan Bắc</b>	<b>548.319.000</b>	<b>501.079.000</b>	<b>502.770.000</b>	<b>-1.691.000</b>
1	Hệ thống điện chiếu sáng dọc kè chân sông của biển Tam Quan	548.319.000	501.079.000	502.770.000	-1.691.000
<b>IX</b>	<b>UBND xã Hoài Hảo</b>	<b>1.187.412.000</b>	<b>1.053.603.000</b>	<b>1.050.704.000</b>	<b>2.899.000</b>
1	Gia cố bờ suối Trà Bộ	391.949.000	361.019.000	360.342.000	677.000
2	Khắc phục cầu Cà Te	689.348.000	586.469.000	584.247.000	2.222.000
3	Khắc phục lở bờ suối và sa bồi thủy phá do lũ lụt gây ra	106.115.000	106.115.000	106.115.000	0
<b>X</b>	<b>UBND xã Hoài Châu Bắc</b>	<b>673.633.000</b>	<b>449.163.000</b>	<b>449.163.000</b>	<b>0</b>
1	Tuyến đường từ ngõ Kim - ngõ Tường, Gia An	673.633.000	449.163.000	449.163.000	0
<b>XI</b>	<b>UBND xã Hoài Hải</b>	<b>6.179.110.000</b>	<b>5.890.640.000</b>	<b>5.889.837.000</b>	<b>803.000</b>

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Chủ đầu tư đề nghị	Giá trị quyết toán	Chênh lệch
1	Khu thể thao thôn Diêu Quang (HM: Xây dựng tường rào, công nghệ, sân nền thể thao)	376.615.000	331.218.000	331.218.000	0
2	Hệ thống thoát nước khu dân cư thôn Diêu Quang	959.119.000	925.829.000	925.829.000	0
3	Trung tâm Văn hóa xã Hoài Hải	4.843.376.000	4.633.593.000	4.632.790.000	803.000
<b>XII</b>	<b>UBND xã Hoài Thanh</b>	<b>226.295.000</b>	<b>208.143.000</b>	<b>208.143.000</b>	<b>0</b>
1	Sửa chữa Cầu Máng qua Bình Phú	226.295.000	208.143.000	208.143.000	0
<b>XIII</b>	<b>Trường THPT Nguyễn Trăn</b>	<b>449.927.000</b>	<b>404.862.000</b>	<b>404.862.000</b>	<b>0</b>
1	Xây dựng vỉa hè Trường THPT Nguyễn Trăn	449.927.000	404.862.000	404.862.000	0
<b>XIV</b>	<b>Trường THPT Tam Quan</b>	<b>449.629.000</b>	<b>400.161.000</b>	<b>400.161.000</b>	<b>0</b>
1	Xây dựng vỉa hè Trường THPT Tam Quan	449.629.000	400.161.000	400.161.000	0
					0